

Bản án số: 315/2021/HS-PT

Ngày: 27-10-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Hồng Sơn

Các Thẩm phán: 1/ Ông Phạm Viết Hùng

2/ Ông Trần Minh Châu

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hoàn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 213/2021/TLPT-HS, ngày 18/5/2021 đối với bị cáo Nguyễn Tiến H do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Tiến H đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 70/2021/HS-ST ngày 02/4/2021 của Tòa án nhân dân quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Tiến H (tên gọi khác: “Không Chí”); giới tính: Nam; sinh năm: 1996, tại: tỉnh Bến Tre; nơi đăng ký thường trú: 161 NTL, Phường Q, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: không nơi cư trú nhất định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Hoa; tôn giáo: Phật giáo; trình độ học vấn: 01/12; nghề nghiệp: không; con ông Nguyễn Ngọc A (đã chết) và bà Trần Thu X, sinh năm: 1966; bị cáo chưa có vợ, con; tiền sự: không; tiền án: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/12/2020. (Có mặt tại phiên tòa)

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Lâm Quốc V, Luật sư, thuộc Văn phòng luật sư VT, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt tại phiên tòa);

Trong vụ án còn có bị hại ông Nguyễn Tuyên G, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Phan Văn Th không có kháng cáo, không bị kháng nghị và không có liên quan đến kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo H nên Hội đồng xét xử không triệu tập đến phiên tòa phúc thẩm.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Tiến H và ông Nguyễn Tuyền G (tên gọi khác: Thích Giác S) có mối quan hệ quen biết nên H thường xuyên đến nhà ông G, địa chỉ số 933/4/10D Tỉnh lộ 10, phường TT, quận Z chơi và biết ông G để tiền trong phòng ngủ nên nảy sinh ý định lấy trộm tiền của ông G để tiêu xài cá nhân. Vào lúc 14 giờ 40 ngày 09/10/2020 H đến nhà ông G, do không có ông G ở nhà nên H đi lên phòng ngủ của ông G tại lầu 2, dùng chìa khóa phòng (đã lấy trộm trước đó) mở cửa phòng đến bàn làm việc lấy trộm một phong bì màu vàng bên trong có 10.000.000 đồng bỏ vào túi áo của H rồi khóa cửa phòng đi xuống tầng trệt. Lúc này, ông G đi công việc về phát hiện nên H đã khai nhận lấy trộm 10.000.000 đồng của ông G và trả lại cho ông G số tiền trên.

Đồng thời, H khai nhận với ông G trước ngày 09/10/2020 khoảng hai đến ba tháng, lợi dụng lúc ông G không có ở nhà, H đã 04 lần lấy trộm tiền trong phòng ngủ của ông G với tổng số tiền là 80.000.000 đồng, (mỗi lần lấy trộm 20.000.000 đồng) phù hợp với số tiền mà ông G bị chiếm đoạt. Sau đó, ông G viết cho H tờ giấy cam kết để H phải trả số tiền đã chiếm đoạt là 80.000.000 đồng. Bị can H đọc, ký tên và giữ tờ giấy này. Số tiền trộm được H đã mua xe mô tô biển số 59T1-584.14 tại cửa hàng xe máy 186 địa chỉ số 405/24 TC, phường W, quận X với giá 12.500.000 đồng và mua 01 điện thoại di động Vsmart Bee 3 tại Cửa hàng điện máy xanh, địa chỉ 953 Tỉnh Lộ 10, phường TT, quận Z với giá 1.590.000 đồng. H cho anh Long (không rõ lịch) là bảo vệ giữ xe chùa Phước Huệ mượn 3.000.000 đồng. Số tiền còn lại H tiêu xài cá nhân hết và không mua gì khác. Đến ngày 11/10/2020, H trả cho ông G số tiền 7.000.000 đồng, sau đó H không tiếp tục trả tiền cho ông G. Đến ngày 07/12/2020, H đến nhà ông G chơi thì ông G đưa đương sự H đến Công an phường TT trình báo sự việc. Vụ việc được chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Z để điều tra theo thẩm quyền.

** Vật chứng của vụ án:*

- 01 USB ghi nhận hình ảnh liên quan đến vụ án trộm cắp tài sản được lưu kèm theo hồ sơ vụ án.

- 01 (một) xe mô tô mô tô hiệu Honda AirBlade biển số 59T1-584.14, số máy: 5086399, số khung: 586313, tình trạng đã cũ, qua sử dụng. Qua xác minh số khung, số máy không thay đổi. Qua xác minh, ông Tăng Trí N đứng tên chủ sở hữu, xác minh tại số 19 CQ, phường NCT, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh hiện ông Nhân đi đâu không rõ. Ban đầu, bị cáo H khai nhận chiếc xe trên do H dùng số tiền đã chiếm đoạt của ông G để mua xe với giá 12.500.000 đồng là phù hợp với lời khai của ông Phan Văn Th (chủ cửa hàng mua bán xe máy) và có giấy tờ mua bán xe. Nhưng sau đó, bị cáo H thay đổi lời khai ban đầu và khai nhận xe

trên là xe bị cáo H mượn của chị ruột tên Nguyễn Thị Xuân Hương (sinh năm: 1992; hiện không rõ nơi cư trú). Hiện xe trên không có trong cơ sở dữ liệu vật chứng, Cơ quan điều tra đã đăng báo tìm chủ sở hữu nhưng chưa có ai liên hệ làm việc.

- 01 (một) điện thoại di động Vsmart Bee 3, Imei 1: 352705111745541, Imei 2: 352705111745541, tình trạng đã cũ, qua sử dụng. H dùng tiền lấy trộm của ông G để mua điện thoại trên.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Tuyền G yêu cầu bị cáo H bồi thường số tiền 70.000.000 đồng, bị cáo chưa bồi thường cho anh G.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Z, bị cáo Nguyễn Tiến H khai nhận đã đột nhập vào phòng ông Nguyễn Tuyền G trộm cắp tổng cộng năm lần với tổng số tiền 90.000.000 đồng. Bị cáo H là người không nghề nghiệp, sống lang thang, không nơi cư trú nhất định, lấy các lần phạm tội làm nghề sinh sống và sử dụng số tiền chiếm đoạt được làm nguồn sống chính. Tại Cơ quan điều tra, bị cáo H đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Nguyễn Tiến H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Z, đã truy tố đối với bị cáo.

Tại phiên tòa sơ thẩm bị hại là ông Nguyễn Tuyền G trình bày: Vào ngày 24/03/2021 mẹ của bị cáo H đã mang trả cho thêm ông số tiền 70.000.000 đồng. Do đó hôm nay ông không yêu cầu gì khác và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H.

Bản cáo trạng số 73/CT-VKS ngày 26/02/2021 của Viện kiểm sát nhân dân quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Tiến H về tội “Trộm cắp tài sản”, theo điểm b, c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 70/2021/HS-ST ngày 02/4/2021 của Tòa án nhân dân quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tiến H phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”;

Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến H: 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày 08/12/2020.

Ngoài ra, Bản án hình sự sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, nghĩa vụ nộp án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/4/2021, bị cáo Nguyễn Tiến H có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo Nguyễn Tiến H vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, với lý do bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, bản thân và gia đình đã khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại, gia đình khó khăn và bị cáo là lao động chính trong gia đình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đưa ra ý kiến phát biểu: Sau khi xem xét tất cả lời khai, tình tiết, tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nhận thấy bản án sơ thẩm đã tuyên là đúng người, đúng tội. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo bổ sung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, mặc dù không cung cấp được chứng cứ nào mới, song xét đến tình tiết bị cáo và gia đình đã bồi thường được tổng cộng là 87.000.000 đồng, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu nên mức án 04 năm tù mà cấp sơ thẩm đã xét xử là nghiêm khắc. Từ đó đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo và sửa bản án sơ thẩm, xét xử bị cáo từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù. Đồng thời, đề nghị trả lại cho bị cáo toàn bộ vật chứng mà cấp sơ thẩm đã tịch thu.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát và đề nghị luật sư bào chữa cho bị cáo.

Luật sư Lâm Quốc V bào chữa cho bị cáo phát biểu: Luật sư thống nhất với tội danh và khung hình phạt đã truy tố và xét xử đối với bị cáo, cũng như thống nhất với đề nghị giảm mức án mà đại diện Viện kiểm sát đã nêu tại phiên tòa, bởi mức án mà cấp sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo là rất nặng. Bản thân bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu; Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường toàn bộ số tiền vào 03 lần cho bị hại tổng cộng là 87.000.000 đồng và tại phiên tòa sơ thẩm bị hại đã bị hại có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đồng thời đã viết đơn bãi nại cho bị cáo mà chưa được cấp sơ thẩm xem xét. Ngoài ra, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự phạm tội lần đầu, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo với mức án thấp nhất.

Bị cáo đồng ý với lời bào chữa của luật sư, không có tranh luận bổ sung và nói lời sau cùng xin giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát, luật sư đối đáp giữ nguyên quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét ra bản án đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào toàn diện, đầy đủ chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến tranh luận của kiểm sát viên, luật sư, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Ngày 02/4/2021, Tòa án nhân dân quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm, đến ngày 14/4/2021, bị cáo có đơn kháng cáo yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt. Đơn kháng cáo của bị cáo được lập trong thời hạn luật định nên hợp lệ.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận vào lúc 14 giờ 40 ngày 09/10/2020, bị cáo đã có hành vi lén lút đột nhập vào phòng của ông Nguyễn Tuyền G chiếm đoạt số tiền 10.000.000 đồng và bị ông G phát hiện bắt giữ. Ngoài ra, trước ngày 09/10/2020 khoảng hai đến ba tháng, lợi dụng lúc ông G không có ở nhà, bị cáo H đã 04 lần trộm cắp tiền trong phòng ngủ của ông G mỗi lần 20.000.000 đồng, thành tổng số tiền là 80.000.0000 đồng. Như vậy, bị cáo H đã năm lần liên tiếp trộm cắp tiền của ông G với tổng số tiền 90.000.000 đồng với mục đích tiêu xài cá nhân. Tài sản bị cáo trộm cắp được là nguồn thu nhập chính, bị cáo khai nhận không có một công việc có thu nhập nào khác. Đồng thời, bị cáo khẳng định bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo là đúng với hành vi phạm tội, không có oan sai.

Như vậy, có đủ cơ sở để xác định hành vi của bị cáo Nguyễn Tiên H đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*”, bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp 05 lần liên tiếp, với tổng số tiền là 90.000.0000 đồng, thuộc trường hợp: “*Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng*” và “*Có tính chất chuyên nghiệp*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Tòa án nhân dân quận Z đã xét xử bị cáo theo các điều khoản nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không oan sai.

[3] Xét đơn kháng cáo của bị cáo:

Trong đơn kháng cáo và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt với các lý do: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, bản thân và gia đình đã khắc phục hậu quả cho bị hại, hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình. Quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm và cho đến phiên tòa ngày hôm nay, bị cáo không cung cấp thêm được tài liệu, tình tiết, chứng cứ nào mới.

Về hình phạt đã áp dụng đối với bị cáo, khi lượng hình thì Tòa án nhân dân quận Z đã xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo đó là: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại là ông Nguyễn Tuyền G đã nhận của bị cáo và mẹ của bị cáo H với số tiền tổng cộng là 87.000.000 đồng, từ đó cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xét bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào mới. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm thì bị hại đã làm đơn bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, đây là các tình tiết chưa được cấp sơ thẩm xem xét, do đó bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017. Hội đồng xét xử sau khi cân nhắc đến nhân thân người phạm tội, tính chất và hậu quả của hành vi phạm tội, xét thấy với các tình tiết giảm nhẹ mới nêu trên thì mức án 04 năm tù mà cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo là tương đối nghiêm khắc, cần chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo, sửa bản án hình sự sơ thẩm để giảm cho bị cáo một phần hình phạt và để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà tích cực cải tạo.

[4] Lập luận trên đây cũng là căn cứ để chấp nhận quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã phát biểu tại phiên tòa về việc chấp nhận kháng cáo của bị cáo và sửa bản án sơ thẩm.

Đồng thời chấp nhận quan điểm bào chữa của luật sư tại phiên tòa về đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[5] Về vật chứng:

Xét tại Bản án hình sự sơ thẩm số 70/2021/HS-ST ngày 02/4/2021, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 để tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động Vsmart Bee 3, Imei 1: 352705111745541, Imei 2: 352705111745558, tình trạng đã cũ, qua sử dụng và 01 (một) xe mô tô hiệu Honda AirBlade biển số 59T1-584.14, số máy: 5086399, số khung: 586313, tình trạng đã cũ, qua sử dụng.

Hội đồng xét xử thấy mặc dù bị cáo không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị về phần xử lý vật chứng này, tuy nhiên theo quy định đối với vật, tiền bị người phạm tội chiếm đoạt trái phép thì không tịch thu mà trả lại cho chủ sở hữu, nhưng vì ông bị hại Nguyễn Tuyền G đã nhận của bị cáo và mẹ của bị cáo H số tiền tổng cộng 03 lần là 87.000.000 đồng, đồng thời không yêu cầu gì khác về tài sản nên cấp sơ thẩm tuyên tịch thu sung công quỹ các vật chứng nêu trên là chưa đúng quy định của pháp luật, mặc dù bị cáo đã dùng tiền trộm cắp để mua các tài sản này.

Do vậy, cần sửa một phần bản án về xử lý vật chứng theo hướng trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động Vsmart Bee 3, đồng thời giao cho Chi cục Thi hành án dân sự quận Z giải quyết theo thủ tục vắng chủ đối với xe mô tô hiệu Honda AirBlade biển số 59T1-584.14 vì chưa xác định được chủ sở hữu hợp pháp.

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Tiến H và sửa bản án hình sự sơ thẩm số 70/2021/HS-ST ngày 02/4/2021 của Tòa án nhân dân quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh về phần hình phạt đối với bị cáo. Đồng thời sửa một phần bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng.

2. Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 173; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Tiến H**: 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/12/2020.

3. Căn cứ khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

- Trả lại bị cáo Nguyễn Tiến H: 01 (một) điện thoại di động Vsmart Bee 3 (Imei 1: 352705111745541, Imei 2: 352705111745558), tuy nhiên tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án;

- Giao Chi cục Thi hành án dân sự quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục thông báo công khai trong hạn 12 tháng để tìm chủ sở hữu đối với 01 (một) xe mô tô mô tô hiệu Honda AirBlade biển số 59T1-584.14, số máy: 5086399, số khung: 586313, do ông Tăng Trí N (trú tại số 19 CQ, phường NCT, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh) đứng tên chủ sở hữu. Nếu sau 12 tháng kể từ ngày thông báo mà không xác định được chủ sở hữu hợp pháp của tài sản thì tịch thu sung quỹ nhà nước theo quy định.

(Các vật chứng nêu trên được liệt kê theo Biên bản giao nhận tang tài vật số NK21/101TAM ngày 03/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh).

4. Căn cứ Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và căn cứ Điều 22 và 23 của Nghị quyết quyết định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, cùng danh mục án phí, lệ phí tòa án,

Bị cáo Nguyễn Tiến H không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao; (1)
- TAND cấp cao tại Tp.HCM; (1)
- VKSND cấp cao tại Tp.HCM; (1)
- TAND quận Z; (1)
- VKSND Tp.HCM; (3)
- VKSND quận Z; (1)
- P.PV06 – CA Tp.HCM; (1)
- Chi cục THA quận Z; (1)
- Bị cáo; (1)
- Trại giam; (1)
- Luật sư; (1)
- Công an quận Z; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ. (21) (6)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Hồng Sơn